

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PLEIKU  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 16/6/2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thanh Cường;

2. Ông Ngô Xuân Dệt.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Vân - Cán bộ  
Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên  
tòa:* bà Phạm Thị Thanh Trúc.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 870/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn chị Ung Thị Mai Tr, sinh năm 1989 – Địa chỉ: 39 đường Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

-Bị đơn: anh Nguyễn H, sinh năm 1992 – Địa chỉ: 60/01 đường P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ung Thị Mai Tr trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Ung Thị Mai Tr và anh Nguyễn H có một thời gian tìm hiểu, sau đó cả hai tự nguyện đi đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2014 tại Ủy ban

nhân dân phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống 6 năm giữa chị Tr và anh H luôn phát sinh mâu thuẫn gia đình, thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc, anh H hay ăn nhậu không chí thú làm ăn và sau đó còn có người phụ nữ khác ở bên ngoài; từ những nguyên nhân này cả hai đã sống ly thân, thời gian ly thân cả hai không quan tâm tới nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn H.

Về con chung: Chị với anh H có một con chung là cháu Nguyễn Quốc Triệu, sinh ngày 21/6/2014. Ly hôn chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu, vì từ khi cả hai sống ly thân thì cháu Triệu đã ở cùng với chị Tr, nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện chị Tr yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng; tuy nhiên hiện nay anh H không có việc làm ổn định và không có thu nhập, vì vậy chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng, khi nào anh H có việc làm ổn định thì chị Tr yêu cầu về mức cấp dưỡng sau.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu, vì vậy Tòa án không đề cập giải quyết.

Ngoài ra chị Tr không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn H: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên hoà giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng H không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại thành phố Pleiku nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ung Thị Mai Tr, chị Tr được ly hôn anh Nguyễn H. Về con chung đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị Tr. Giao cháu Nguyễn Quốc Triệu cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập được.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

Chị Ung Thị Mai Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn H có địa chỉ tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn H tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh H tự nguyện tìm hiểu sau đó kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hội Thương, thành phố Pleiku vào 31/7/2014 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Tr và anh H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm rạn nứt mà không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Tr và anh H đã sống ly thân từ tháng 6/2019, sau khi sống ly thân mỗi người ở một nơi, cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người đó sống. Nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tr có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh H để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa chị Tr và anh H, nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Tr và tại phiên tòa hôm nay anh H cũng vắng mặt, như vậy anh H không có thiện chí mong muốn được hòa giải đoàn tụ với chị Tr. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh chị tại tổ trưởng tổ 3, phường Hội Thương, thành phố Pleiku và gia đình ông Nguyễn Nhơn với bà H Thị Thủy là bố mẹ đẻ của anh H thì thấy rằng: nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Tr và anh H như thế nào thì địa phương và gia đình không biết rõ, chỉ biết rằng chị Tr và anh H đã ly thân với nhau, chị Tr cùng đứa con là Nguyễn Quốc Triệu không sống tại địa phương cách đây vài năm.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy: Chị Tr và anh H là vợ chồng hợp pháp nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương, chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân và cùng nhau chăm sóc con chung; vì mâu thuẫn gia đình anh chị đã sống ly thân mỗi người ở một nơi, sau khi sống ly thân cả hai không chăm sóc, quan tâm đến nhau. Như vậy hôn nhân của chị Tr và anh H đã

lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Tr yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Chị Ung Thị Mai Tr và anh Nguyễn H có một con chung là cháu Nguyễn Quốc Triệu, sinh ngày 21/6/2014. Từ khi anh chị sống ly thân cháu Triệu ở với chị Tr, xét theo nguyện vọng của chị Tr là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu, xét về quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không có ý kiến gì về nguyện vọng nuôi con. Vì vậy giao cháu Nguyễn Quốc Triệu cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Ung Thị Mai Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có tài sản chung, nên chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nghĩa vụ chung.

- Về án phí: Chị Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Căn cứ các 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ung Thị Mai Tr.

- Chị Ung Thị Mai Tr được ly hôn anh Nguyễn H.

[2]. Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc Triệu, sinh ngày: 21/6/2014 cho chị Ung Thị Mai Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi cháu Triệu chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

[3] Về án phí: Buộc chị Ung Thị Mai Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0002230, ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (16/6/2020) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- UBND p. Hội Thương, TP Pleiku, Gia Lai;
- Số: 73, Quyền số: 01/2014; ngày ĐK 31/7/2014.
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

